



Hợp tác Đức
DEUTSCHE ZUSAMMENARBEIT



Thực hiện bởi
giz
German Technical
Cooperation (GIZ) GmbH




BỘ LAO ĐỘNG & THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
DIRECTORATE OF VOCATIONAL EDUCATION AND TRAINING

BỒI DƯỠNG GIÁNG VIÊN NGUỒN
ĐỂ ĐÀO TẠO LẠI CHO ĐÀO TẠO VIÊN DOANH NGHIỆP CÁC KỸ NĂNG DẠY
HỌC CHO ĐÀO TẠO VIÊN DOANH NGHIỆP DẠY TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG





Hợp tác Đức
DEUTSCHE ZUSAMMENARBEIT




Thực hiện bởi
giz
German Technical
Cooperation (GIZ) GmbH




BỘ LAO ĐỘNG & THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
DIRECTORATE OF VOCATIONAL EDUCATION AND TRAINING

2 NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH KHÓA HỌC
 Quyết định số 868/QĐ-TCGDNN ngày 23/11/2020


STT	GIỜ	Bài học	Thời gian học tập tối thiểu/giờ		
			Tổng số	Kiến thức	Kỹ năng
BH01		Những vấn đề chung của giáo dục nghề nghiệp và đào tạo tại doanh nghiệp	4	3	1
BH02		Xác định nhu cầu đào tạo	4	1	3
BH03		Xây dựng chương trình đào tạo I	8	2	6
BH04		Đánh giá năng lực liên kết đào tạo	2	1	1
BH05		Biên soạn giáo án I	8	2	6
BH06		Chuẩn bị dạy học I	4	1	3
BH07		Thực hiện dạy học I	22	2	20
BH08		Đánh giá kết quả học tập	4	1	3
BH09		Xây dựng chương trình đào tạo II	10	2	8
BH10		Biên soạn giáo án II	8	2	6
BH11		Chuẩn bị dạy học II	4	1	3
BH12		Thực hiện dạy học II	8	2	6
		Đánh giá kết thúc khóa học	4	3	1
Tổng cộng:			90 giờ	23 giờ	67 giờ



Hợp tác Đức
DEUTSCHE ZUSAMMENARBEIT



Thực hiện bởi
giz
German Technical
Cooperation (GIZ) GmbH



BỘ LAO ĐỘNG & THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
DIRECTORATE OF VOCATIONAL EDUCATION AND TRAINING

3 Mục tiêu khóa học

Sau khi học xong khóa học, HV có khả năng:

- Giải thích được các nội dung chuyên môn nghiệp vụ sư phạm liên quan đến chương trình bồi dưỡng kỹ năng dạy học (12 bài).
- Có những năng lực sư phạm cần thiết để thực hiện đào tạo và phát triển kỹ năng nghề cho người lao động, người học nghề, tập nghề cũng như phối hợp thực hiện chương trình liên kết đào tạo trình độ cao đẳng với cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại doanh nghiệp.
- Giải thích được cách thức tổ chức các bài học với vai trò là giáo viên hạt nhân
- Chuẩn bị được các tài liệu phục vụ cho giảng dạy chương trình.

Hợp tác
Đức
DEUTSCHE ZUSAMMENARBEIT

Thực hiện bởi
giz
German Engineering
Infrastructure Technology (GIZ) GmbH

BỘ LAO ĐỘNG & THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
DIRECTORATE OF VOCATIONAL EDUCATION AND TRAINING

BÀI 1.
NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÀ ĐÀO TẠO TẠI DOANH NGHIỆP (3:1)



Ngày 9/17/2022, PGS.TS. Nguyễn Văn Tuấn

Hợp tác
Đức
DEUTSCHE ZUSAMMENARBEIT

Thực hiện bởi
giz
German Engineering
Infrastructure Technology (GIZ) GmbH

BỘ LAO ĐỘNG & THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
DIRECTORATE OF VOCATIONAL EDUCATION AND TRAINING

5

1. Hệ thống và văn bản qui phạm pháp luật
2. Các mô hình đào tạo nghề
3. Quá trình dạy học, các thành tố sư phạm cơ bản và tương tác
4. Một số tiếp cận trong đào tạo nghề
5. Đào tạo tại doanh nghiệp
6. Thực hành kĩ năng

Ths. Nguyễn Văn Tuấn

Hợp tác
Đức
DEUTSCHE ZUSAMMENARBEIT

Thực hiện bởi
giz
German Engineering
Infrastructure Technology (GIZ) GmbH

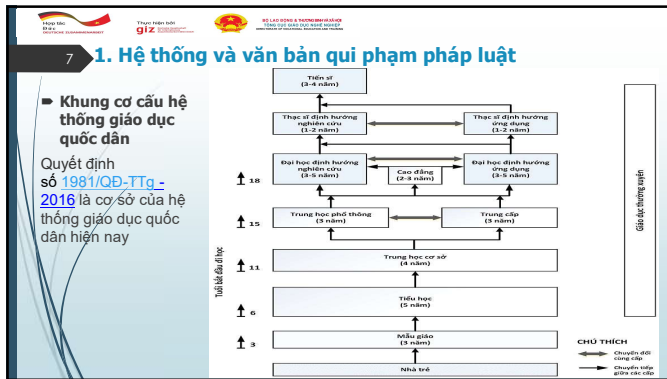
BỘ LAO ĐỘNG & THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
DIRECTORATE OF VOCATIONAL EDUCATION AND TRAINING

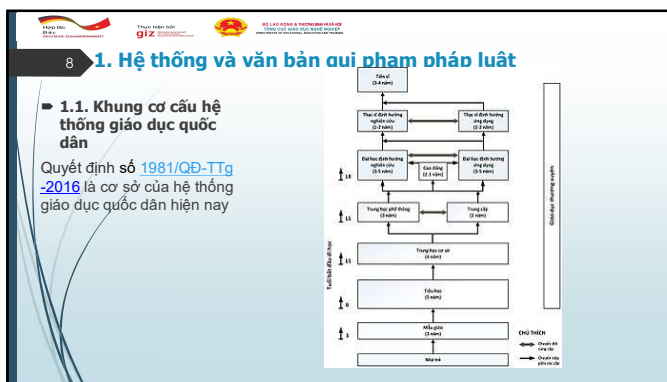
6

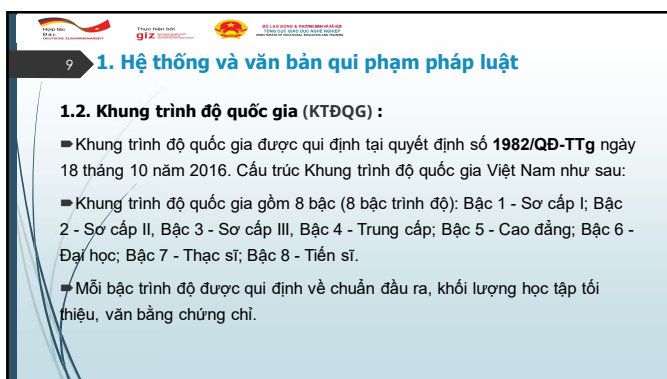
1. Hệ thống và văn bản qui phạm pháp luật

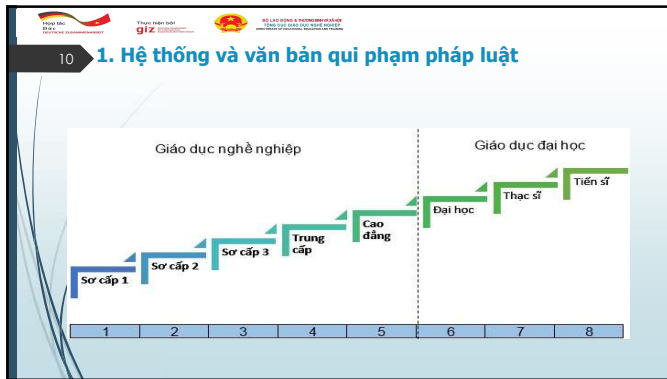
+ Hệ thống giáo dục quốc dân:

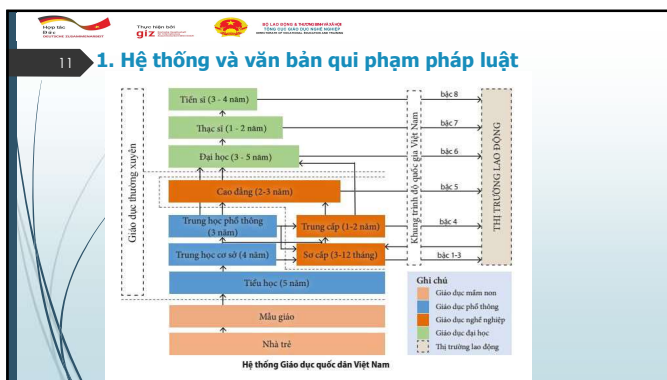
- Hệ thống giáo dục quốc dân được qui định trong luật giáo dục các phiên bản từ năm 2005. [Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc Hội](#) :
- 1. Hệ thống giáo dục quốc dân là hệ thống giáo dục mở, liên thông gồm giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên.
- 2. Cấp học, trình độ đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân bao gồm:
 - a) Giáo dục mầm non gồm giáo dục nhà trẻ và giáo dục mẫu giáo;
 - b) Giáo dục phổ thông gồm giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và giáo dục trung học phổ thông;
 - c) *Giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác;*
 - d) Giáo dục đại học đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ và trình độ tiến sĩ.











12 **1. Hệ thống và văn bản qui phạm pháp luật**

Trình độ	Yêu cầu đầu vào	Thời gian đào tạo	Văn bằng/chứng chỉ
Sơ cấp 1	Đủ điều kiện về sức khỏe	Từ 3 tháng đến dưới 1 năm	Chứng chỉ sơ cấp 1;
Sơ cấp 2			Chứng chỉ sơ cấp 2;
Sơ cấp 3			Chứng chỉ sơ cấp 3
Trung cấp	Tốt nghiệp THCS	1 đến 2 năm tùy theo chuyên ngành hoặc nghề đào tạo	Bằng tốt nghiệp trung cấp (không liên thông lên trình độ cao hơn)
	Tốt nghiệp THPT (hoặc có kiến thức văn hóa THPT theo quy định)	1 đến 2 năm tùy theo chuyên ngành hoặc nghề đào tạo	Bằng tốt nghiệp trung cấp (liên thông lên trình độ cao hơn)
Cao đẳng	Tốt nghiệp THPT	2 đến 3 năm	Bằng tốt nghiệp cao đẳng (công nhận danh hiệu <i>Cử nhân thực hành</i> hoặc <i>Kỹ sư thực hành</i>)
	Tốt nghiệp trung cấp và có kiến thức văn hóa THPT theo quy định	1 đến 2 năm	

13 **1. Hệ thống và văn bản qui phạm pháp luật**

1.3. Khung trình độ kỹ năng nghề quốc gia (KTĐKNNQG)

TT 56/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn việc xây dựng, thẩm định và công bố tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia

Quy định khung của 5 bậc trình độ kỹ năng nghề quốc gia

Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5
Thực hiện các công việc đơn giản , công việc có tính lập lại trong tình huống cổ định	Thực hiện các công việc thông thường và công việc có tính phức tạp trong một số tình huống nhất định	Thực hiện phần lớn các công việc phức tạp , công việc có nhiều sự lựa chọn trong một số tình huống khác nhau ;	Thực hiện hầu hết các công việc phức tạp , công việc có nhiều sự lựa chọn trong nhiều tình huống khác nhau ;	Thực hiện các công việc phức tạp , công việc có nhiều sự lựa chọn trong mọi tình huống;

14 **1. Hệ thống và văn bản qui phạm pháp luật**

1.3. Khung trình độ kỹ năng nghề quốc gia (KTĐKNNQG)

- Thông tư **56/2015/TT-BLĐTBXH** ngày 24 tháng 12 năm 2015 hướng dẫn việc xây dựng, thẩm định và công bố tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia. Các căn cứ khác liên quan đến việc xây dựng và ban hành kỹ năng nghề quốc gia gồm:
- Luật Việc làm số 38/2013/QH13** ngày 16 tháng 11 năm 2013 chương 4 về việc xây dựng, đánh giá kỹ năng nghề quốc gia.
- Nghị định số 31/2015/NĐ-CP** ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

15 **1. Hệ thống và văn bản qui phạm pháp luật**

- Đến hiện nay, Bộ Lao động và Thương binh Xã hội đã ban hành 199 tiêu chuẩn kỹ năng nghề cho các nhóm nghề trên trang Web sau:

<http://kynangnghe.gov.vn/danh-gia/tieu-chuan#>

16 **1. Hệ thống và văn bản qui phạm pháp luật**

► **Mối liên hệ giữa khung trình độ quốc gia (đào tạo) và khung trình độ kỹ năng nghề quốc gia (việc làm)**

17 **1. Hệ thống và văn bản qui phạm pháp luật**

► **Mối liên hệ giữa khung trình độ quốc gia (đào tạo) và khung trình độ kỹ năng nghề quốc gia (việc làm)**

18 **1. Hệ thống và văn bản qui phạm pháp luật**

1.4. Đào tạo liên kết giữa nhà trường với doanh nghiệp

- Thông tư số **05/2022/TT-BLĐTBXH** ngày 5 tháng 4 năm 2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp
- Liên kết đào tạo được tổ chức theo 2 hình thức sau:
 - a) Liên kết phối hợp đào tạo: Đơn vị phối hợp liên kết đào tạo trực tiếp tham gia giảng dạy, phối hợp quản lý quá trình đào tạo và đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị để thực hiện liên kết đào tạo hoặc chỉ tham gia vào hoạt động giảng dạy trong chương trình liên kết đào tạo;
 - b) Liên kết đặt lớp đào tạo: Đơn vị phối hợp liên kết đào tạo không tham gia giảng dạy, chỉ phối hợp quản lý và đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị để thực hiện liên kết đào tạo.

19 **2. Các mô hình đào tạo nghề**

2.1. Các mô hình đào tạo nghề cơ bản

Các mô hình đào tạo nghề cơ bản

- (1) Mô hình đào tạo truyền thống hay không chính thức informal (Nam Mỹ, Châu Phi, châu Á)
- (2) Mô hình đào tạo nghề theo thị trường – Đào tạo nghề tạo doanh nghiệp: (Ví dụ Mỹ, Nhật Bản)
- (3) Mô hình trường học – Đào tạo nghề tại trường học (Ví dụ Pháp, Ý, Thụy Điển)
- (4) Mô hình đào tạo kép – Đào tạo kết hợp trường và doanh nghiệp (Ví dụ: Đức, Thụy Sĩ, Áo)

20 **2. Các mô hình đào tạo nghề**

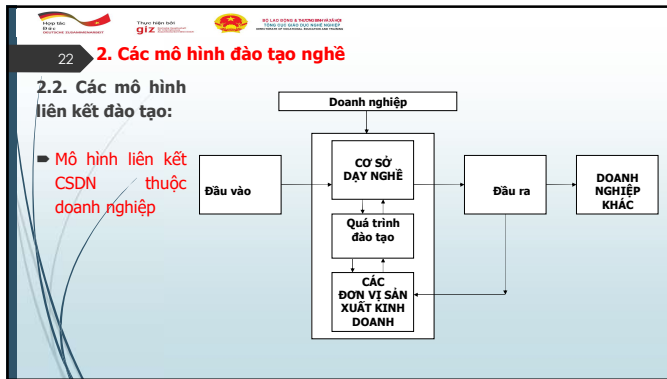
2.1. Các mô hình đào tạo nghề cơ bản

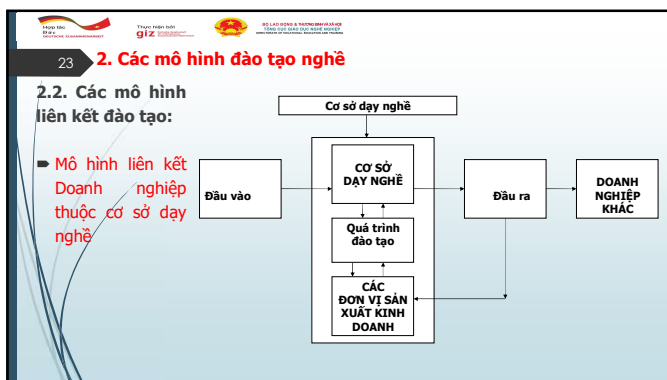
- Xu hướng phát triển đào tạo nghề

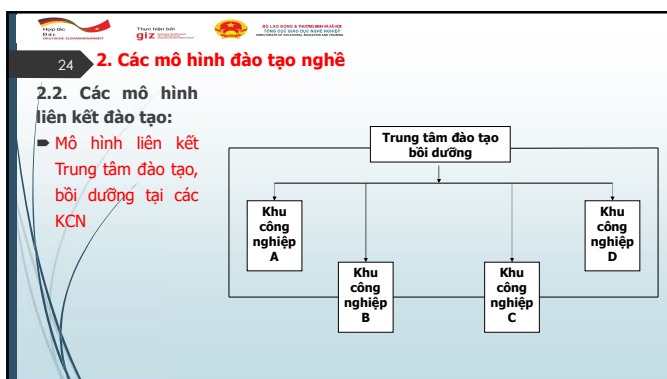
21 **2. Các mô hình đào tạo nghề**

2.2. Các mô hình liên kết đào tạo:

► Mô hình cơ sở dạy nghề độc lập nằm ngoài doanh nghiệp







25

DIDACTIC



3.
QUÁ TRÌNH DẠY HỌC
(Learnprozess)



26

1. KHÁI NIỆM CHUNG VỀ QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

1.1. Định nghĩa

- **Dạy nghề = Dạy học.** Dạy học luôn thực hiện thông qua một quá trình
- **Quá trình dạy học là gì**

MỤC TIÊU + NỘI DUNG + PHƯƠNG PHÁP + PHƯƠNG TIỆN

t₀ → t_n

Hoạt động dạy (GV) + Hoạt động học (HS)

27

1. KHÁI NIỆM CHUNG VỀ QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

1.1. Định nghĩa

- Dạy học là hoạt động diễn ra theo một quá trình nhất định từ t₀ đến t_n, gọi là quá trình dạy học (QTDH). Đó là một quá trình xã hội bao gồm sự tương tác giữa các thành viên giáo viên – học sinh và gắn liền với hoạt động dạy và hoạt động học trong đó học sinh tự giác, tích cực, chủ động, tự tổ chức, tự điều khiển và điều chỉnh hoạt động nhận thức của mình dưới sự điều khiển chỉ đạo, tổ chức, hướng dẫn của giáo viên nhằm thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ dạy học.
- *Quá trình dạy học là chuỗi liên tiếp các hoạt động dạy, hoạt động học của người dạy và người học đan xen và tương tác với nhau trong khoảng không gian và thời gian nhất định, nhằm thực hiện các nhiệm vụ dạy học.*

1. KHÁI NIỆM CHUNG VỀ QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

28

1.1. Định nghĩa

► Phạm vi của quá trình dạy học:

- Bài học,
- Giờ học,
- Buổi học,
- Học kỳ, năm học,
- Khóa học

1. KHÁI NIỆM CHUNG VỀ QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

29

1.2. Các dấu hiệu của quá trình dạy học

- **Thứ nhất:** dạy học là một dạng **hoạt động đặc thù của xã hội**, nhằm truyền thụ và lĩnh hội kinh nghiệm xã hội, trên cơ sở đó hình thành và phát triển nhân cách của người học. Đó là sự vận động của một hoạt động kép, trong đó diễn ra hai hoạt động có chức năng khác nhau, đan xen và tương tác lẫn nhau trong khoảng không gian và thời gian nhất định: **hoạt động dạy (dạy nghề) và hoạt động học (học nghề)**

1. KHÁI NIỆM CHUNG VỀ QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

30

1.2. Các dấu hiệu của quá trình dạy học

- **Thứ hai:** Hoạt động dạy và hoạt động học đều phải được tiến hành trên bản thể của QTDH là **nội dung dạy học (NDDH)**. NDDH là yếu tố khách quan, quyết định tiến trình và phương pháp của hoạt động dạy và hoạt động học.
- **Thứ ba:** Kết quả của QTDH là làm biến đổi ở người học những đặc tính nào đó đã **được xác định từ trước và tương ứng với NDDH**. Nói cách khác, phải thực hiện được **mục tiêu dạy học** của chính QTDH đó.

1. KHÁI NIỆM CHUNG VỀ QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

31

1.2. Các dấu hiệu của quá trình dạy học

- **Thứ tư:** Một QTDH bất kì bao giờ cũng phải được tiến hành trong khoảng **không gian, thời gian** nhất định (một tiết dạy, một bài, một khóa đào tạo bồi dưỡng,...) và chịu sự chế ước bởi các điều kiện kinh tế - xã hội - văn hóa nhất định. Nói cách khác, QTDH phải là một quá trình có kiểm soát và điều khiển được.

1. KHÁI NIỆM CHUNG VỀ QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

32

1.3. Hoạt động dạy và hoạt động học

Hoạt động dạy:

- **Truyền thụ** cho học sinh những nội dung đáp ứng được các mục tiêu đề ra,
- **Tổ chức** cho học sinh lĩnh hội, chiếm lĩnh nội dung dạy học
- **Giúp đỡ** chỉ đạo và hướng dẫn học sinh trong quá trình lĩnh hội trên cơ sở nắm bắt được các điều kiện bên trong (hiểu biết, năng lực, hứng thú,...) của học sinh.
- Thể hiện **vai trò chủ đạo** của giáo viên
- Là một hoạt động có đích rõ ràng, có liên quan hữu cơ với hoạt động học tập
- **Có nội dung, chương trình kế hoạch** cụ thể; Diễn ra trong một môi trường nhất định (lớp học, xưởng thực hành, phòng thí nghiệm, lớp học ảo)
- Sử dụng các phương tiện đa dạng (ngôn ngữ, thiết bị, tài liệu...)
- Đa dạng về hoạt động: nhận thức, trí tuệ, vận động, thao tác, ...

1. KHÁI NIỆM CHUNG VỀ QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

33

1.3. Hoạt động dạy và hoạt động học theo quan điểm LLDH

Hoạt động học:

- Đó là hoạt động phản ánh những mặt nhất định của hiện thực khách quan vào ý thức người học.
- Học tập là một **hoạt động nhận thức độc đáo của người học**, thông qua đó người học chủ yếu thay đổi chính bản thân mình và ngày càng có năng lực hơn trong **hoạt động tích cực nhận thức** và cải biến hiện thực khách quan.
- Học tập là sự **tiếp thu lĩnh hội có chủ đích và ngẫu nhiên các kỹ năng**. Sự gia tăng trong học tập có thể xảy ra trong lĩnh vực trí tuệ, thể chất, tính cách hoặc xã hội
- Học tập là một **hoạt động kiến tạo** dưới sự điều khiển và điều chỉnh của giáo viên và tự điều khiển, điều chỉnh của người học

1. KHÁI NIỆM CHUNG VỀ QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

34

1.3. Hoạt động dạy và hoạt động học theo quan điểm LLDH

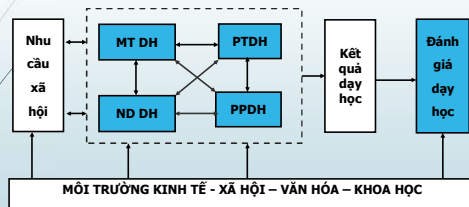
Hoạt động học: Ứng dụng

- Học tập là một quá trình mà người học phải trải qua. → HS tự học
- Học tập diễn ra trong môi trường học tập và trong bối cảnh. → Môi trường?
- Việc học tập dựa trên các mục tiêu cần đạt được. → Mục tiêu rõ
- Học tập là một quá trình tích cực, trong đó người học là chủ thể. → tổ chức
- Học tập trao đổi với những người học khác là học tập xã hội. → tổ chức
- Học tập bền vững dẫn đến những thay đổi lâu dài ở người học. → củng cố
- Học là sự siêu nhận thức của người học.

1. KHÁI NIỆM CHUNG VỀ QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

35

1.3. Các thành tố của quá trình dạy học



2. BẢN CHẤT CỦA QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

36

2.1. Một số quan niệm về bản chất của quá trình dạy học

a. Theo thuyết hệ thống

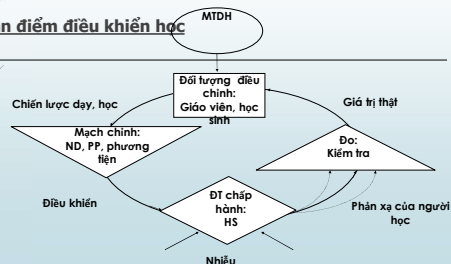
- QTDH với tư cách như một hệ thống, gồm có nhiều thành tố, trong đó **GV và hoạt động dạy**, **HS và hoạt động học** là những thành tố cơ bản nhất.
- Trong mối quan hệ dạy – học trong QTDH, **GV đóng vai trò chủ đạo** với tư cách là chủ thể tác động sư phạm, **HS không chỉ là đối tượng chịu sự tác động sư phạm** đó mà còn là **chủ thể nhận thức**, chủ thể của hoạt động học tập
- Chỉ khi nào thực sự là **chủ thể nhận thức** thì HS mới tiếp thu một cách có ý thức và có hiệu quả sự tác động sư phạm. Vai trò chủ thể nhận thức đòi hỏi học sinh phải tự giác, tích cực, độc lập trong hoạt động học tập của mình.

2. BẢN CHẤT CỦA QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

37

2.1. Một số quan niệm về bản chất của quá trình dạy học

b.Theo quan điểm điều khiển học



2. BẢN CHẤT CỦA QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

2.1. Một số quan niệm về bản chất của quá trình dạy học

38

b.Theo quan điểm điều khiển học

- QTDH là một hệ điều chỉnh. Trong hệ đó GV là bộ phận điều chỉnh, HS là bộ phận bị điều chỉnh nhưng đồng thời tự điều chỉnh. Sự điều chỉnh và sự tự điều chỉnh dựa trên nguyên lý nền tảng của điều khiển học, đó là liên hệ ngược.
- Có hai loại liên hệ ngược: liên hệ ngoài từ HS đến GV chủ yếu giúp cho sự điều chỉnh của GV và liên hệ trong ở bản thân HS chủ yếu giúp cho sự điều chỉnh của HS.
- Các mối liên hệ ngược trong được tạo ra không chỉ thông qua việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập do GV tiến hành mà còn thông qua sự tự kiểm tra, tự đánh giá của chính bản thân HS.
- Sự điều chỉnh, sự chỉ đạo của GV phải làm sao cho sự tự kiểm tra, tự đánh giá đó hình thành và ngày càng phát triển ở HS để họ tự điều chỉnh và học tập một cách tự giác, tích cực và độc lập, tức là làm cho học tập trở thành một hệ kín điều chỉnh với tính chất là một hệ thứ cấp trong hệ dạy học, ở đó HS vừa là khách thể vừa là chủ thể của QTDH

2. BẢN CHẤT CỦA QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

39

2.1. Một số quan niệm về bản chất của quá trình dạy học

c.Theo thuyết thông tin

- QTDH bao gồm hai bộ phận là: bộ phận xử lý và truyền thông tin (GV) và bộ phận thu nhận, xử lý, lưu trữ và vận dụng thông tin (HS). Trong quá trình đó, vấn đề rất cơ bản là làm sao khử được những thông tin, tín hiệu nhiễu khác nhau để đảm bảo cho việc truyền và nhận thông tin được thông suốt, đạt hiệu suất và hiệu quả cao.
- Theo tư tưởng công nghệ, đã và đang được vận dụng ngày càng sâu rộng vào lĩnh vực giáo dục. Theo đó, QTDH được coi là một quá trình công nghệ đặc biệt

2. BẢN CHẤT CỦA QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

2.2. Các bản chất của quá trình dạy học

40

a. QTDH là một bộ phận của quá trình sư phạm tổng thể

- Quá trình sư phạm tổng thể hay quá trình giáo dục nghĩa rộng là một quá trình có mục tiêu, có kế hoạch, có tổ chức, có hướng dẫn nhằm hình thành và phát triển nhân cách con người đáp ứng được các yêu cầu của xã hội.
- Quá trình đó thường bao gồm hai quá trình bộ phận đó là **quá trình dạy học** và **quá trình giáo dục (nghĩa hẹp)**. QTDH là bộ phận chính, có ý nghĩa quyết định đến kết quả của quá trình sư phạm tổng thể, nó chủ yếu nhằm trau dồi học vấn, hình thành và phát triển tri thức, kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp cho HS. Quá trình giáo dục chủ yếu nhằm hình thành lý tưởng, niềm tin và hành vi đạo đức cho HS.

2. BẢN CHẤT CỦA QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

2.2. Các bản chất của quá trình dạy học

41

b. QTDH là một quá trình nhận thức

- Mục tiêu của dạy học là, thông qua **hoạt động học – một hoạt động nhận thức** độc đáo của HS, làm cho học sinh tiếp thu được những kinh nghiệm xã hội mà loài người đã tích lũy được nhằm hình thành kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp.
- Hoạt động hay **quá trình nhận thức – học tập ở bậc giáo dục nghề nghiệp** có những đặc điểm chủ yếu sau:
 - phản ánh các hiện tượng thực tiễn nhưng không phải là phản ánh tất cả mọi hiện tượng mà là phản ánh một cách tích cực và chọn lọc.
 - Chỉ những gì liên quan đến nhu cầu, hứng thú, đến hoạt động **hiện tại và sự phát triển tương lai nghề nghiệp** của cá nhân mới được chọn lọc và phản ánh.
- Từ thực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, rồi từ tư duy trừu tượng trở về thực tiễn...". bao gồm hai giai đoạn, đó là giai đoạn cảm tính và giai đoạn lý tính.

2. BẢN CHẤT CỦA QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

2.2. Các bản chất của quá trình dạy học

42

c. QTDH là một quá trình tâm lý

- QTDH không chỉ bao gồm các quá trình mang tính chất nhận thức mà còn có **sự giao tiếp giữa GV và HS, HS và HS**. Trong học tập, HS tiếp thu **không chỉ bằng tư duy mà còn bằng cả cảm xúc** nữa. Sự chú ý, say mê, xúc động đều chiếm ít nhất một nửa những điều kiện của nhận thức.
- Giao tiếp trong QTDH có ảnh hưởng rất mạnh đến động cơ học tập, tới sự hình thành thái độ học tập của HS.
- Giáo viên say sưa với bộ môn mình dạy, sự tể nhị trong quan hệ với HS, sự giúp đỡ kịp thời HS trong học tập, tính khách quan trong đánh giá, thái độ của GV,...đều ảnh hưởng đến kết quả học tập của HS. Sự khéo léo sư phạm trong tiếp xúc sẽ làm tăng hiệu quả dạy học.

2. BẢN CHẤT CỦA QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

2.2. Các bản chất của quá trình dạy học

43

d. QTDH là một quá trình xã hội

- Dạy học là sự tương tác giữa **người và người**, **người và xã hội** bao hàm tổ nhóm lớp HS, tập thể sư phạm, xã hội trong trường, xã hội ngoài nhà trường, thông qua các hoạt động dạy học – giáo dục chính khóa và ngoại khóa trong và ngoài nhà trường.
- Mục tiêu dạy học do xã hội đặt ra (tính quy định của xã hội!) và giáo viên cũng là người đại diện cho xã hội, được xã hội phân công làm nhiệm vụ giáo dục – đào tạo thế hệ trẻ thông qua việc tổ chức, điều khiển, chỉ đạo QTDH trong nhà trường.

2. BẢN CHẤT CỦA QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

2.2. Các bản chất của quá trình dạy học

44

e. QTDH là một quá trình HS vừa là khách thể vừa là chủ thể

Giáo viên → Nội dung → Học sinh
(khách thể)

Học sinh ↔ Nội dung
(chủ thể)

Khách thể của người học là hoạt động học tập sau:

- Tiếp nhận và thực hiện các nhiệm vụ và kế hoạch hoạt động học tập do GV đề nghị.
- Điều chỉnh hoạt động học tập dưới sự kiểm tra, giám sát của GV

2. BẢN CHẤT CỦA QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

2.2. Các bản chất của quá trình dạy học

45

e. QTDH là một quá trình HS vừa là khách thể vừa là chủ thể

Chủ thể của người học là hoạt động học tập sau:

- Tự giác, nghĩa là tự giành lấy kiến thức, kỹ năng, thái độ đúng đắn.
- Tích cực, cùng tham gia vào quá trình dạy học: chăm chú nghe giảng, tham gia phát biểu một cách có phê phán; tự mình đi kiếm thêm kiến thức để đào sâu mở rộng chứ không chỉ chấp nhận những gì GV truyền thụ.
- Tự lực, có nghĩa là độc lập suy nghĩ, cố gắng tìm tòi các phương án giải quyết vấn đề; Cùng hợp tác để đưa ra các phương án tối ưu; Tự lên kế hoạch và thực hiện nhiệm vụ học tập của mình đề ra; Tự kiểm tra điều chỉnh hoạt động học tập của mình.

2. BẢN CHẤT CỦA QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

2.2. Các bản chất của quá trình dạy học

46

f. QTDH là một quá trình động, vừa mang tính ổn định và bất ổn định

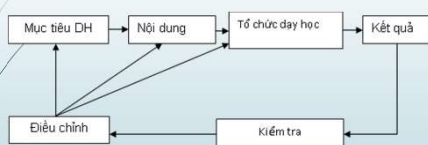
- **Mang tính ổn định:** GV và HS dạy và học theo một kế hoạch có mục đích, phương pháp rõ ràng. Theo hình dưới, hoạt động GV là hoạt động chỉ đạo bao gồm hoạt động kiểm tra điều chỉnh và định hướng HS để HS ở thời điểm t_1 đạt được một kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo và động cơ thái độ nhất định. Để tiến hành các hoạt động đó người GV phải có một kế hoạch chuẩn bị trước như giáo án, giáo trình, kế hoạch đào tạo,...
- **Mang tính chất bất ổn định:** bởi vì con người hoạt động không chỉ theo những kiến thức, kỹ năng và mong muốn của mình mà còn hoạt động theo những điều kiện nội tâm cũng như ngoại cảnh tác động. Ví dụ HS trong giờ học còn có những hoạt động phụ ngoài ý muốn của GV, hoặc do những điều kiện bên ngoài tác động làm cho quá trình đó bị nhiễu

2. BẢN CHẤT CỦA QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

2.2. Các bản chất của quá trình dạy học

47

g. QTDH là một quá trình điều khiển và điều chỉnh của GV kết hợp với quá trình tự điều khiển và tự điều chỉnh của HS



3. NHIỆM VỤ CỦA QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

48

3.1 Giáo dục học sinh

- Làm cho HS nắm vững hệ thống tri thức văn hóa, khoa học kỹ thuật, kỹ năng kỹ xảo lao động nghề nghiệp (người ta còn gọi là nhiệm vụ dạy chữ và dạy nghề)
- Chức năng giáo dục bao gồm việc tiếp thu các tri thức khoa học, hình thành các kỹ năng, kỹ xảo chuyên môn (nghề nghiệp).
- Tri thức khoa học bao gồm các sự kiện, khái niệm, quy luật, lý thuyết liên quan đến chuyên môn nghề nghiệp. Các kỹ năng, kỹ xảo chuyên môn nghề nghiệp bao gồm các kỹ năng, kỹ xảo đặc thù của nghề tương ứng. Kết quả của giáo dục là tạo ra các năng lực hoạt động nghề nghiệp cho HS.

3. NHIỆM VỤ CỦA QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

49

3.2. Giáo dục học sinh

- QTDH còn thực hiện chức năng giáo dục, hình thành cho HS thế giới quan, quan điểm đạo đức, niềm tin, lòng mong muốn, hành vi ứng xử và hoạt động thích hợp trong xã hội, nghề nghiệp.... Nghĩa là một tổng thể phẩm chất nhân cách tiêu biểu cho xã hội (người ta còn gọi là nhiệm vụ dạy làm người), đồng thời giáo dục các chuẩn mực liên quan đến yêu cầu của nghề nghiệp.
- Thực hiện chức năng giáo dục bắt nguồn hữu cơ từ chính nội dung, phương pháp, phương tiện, nhưng đồng thời cũng từ sự giao tiếp, giao lưu giữa GV và HS.
- Thực chất chức năng giáo dục của dạy học là chức năng làm cho quá trình dạy học mang tính mục tiêu và có tính giá trị của xã hội và nghề nghiệp nhất định.

3. NHIỆM VỤ CỦA QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

50

3.3. Phát triển học sinh

- Dạy học là tạo điều kiện cho sự phát triển cá nhân như năng lực nhận thức và năng lực hành động, năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo, năng lực tự học, tự thích ứng (người ta còn gọi là nhiệm vụ dạy phương pháp).
- Nhiệm vụ phát triển sẽ có hữu hiệu hơn nếu có phương hướng rõ ràng lôi cuốn HS vào những loại hình hoạt động có tác dụng phát triển sự cảm thụ và lĩnh vực vận động trí tuệ, ý chí, cảm xúc, động cơ của cá nhân HS.
- Với ý nghĩa đó, việc quá độ sang dạy học theo hướng phát triển có ý nghĩa là mở rộng phạm vi các ảnh hưởng phát triển, tăng cường các yếu tố sáng tạo trong hoạt động học tập.
- Đặc điểm của nhiệm vụ phát triển là nó không tồn tại tự nó mà là kết quả của hai chức năng giáo dục và giáo dưỡng. Nhưng cường độ, mức độ đa dạng, chiều sâu của sự phát triển phụ thuộc vào giáo dưỡng và giáo dục.

3. NHIỆM VỤ CỦA QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

51

3.4. Mối quan hệ giữa các nhiệm vụ

- Cả ba có mối quan hệ mật thiết với nhau: cái này đi trước cái kia, cái kia là hệ quả của cái này, nhưng đồng thời là điều kiện tích cực hóa nguyên nhân ban đầu.
- Hai nhiệm vụ giáo dưỡng và giáo dục hợp lại thành cơ sở cho nhiệm vụ phát triển.
- Nhiệm vụ thứ ba đến lượt mình, sau đó tích cực hóa hai chức năng đầu. Bởi vậy cần xét đến tính biện chứng thống nhất của ba chức năng ấy khi tiếp cận đến mối quan hệ qua lại giữa chúng với nhau.
- Ba nhiệm vụ cơ bản này được thực hiện bằng cách lên kế hoạch tổng thể các nhiệm vụ của bài dạy (giáo dưỡng, giáo dục, phát triển), rồi lựa chọn nội dung hoạt động của giáo viên và học sinh, kết hợp với các phương pháp, hình thức và phương tiện dạy học để giải quyết lần lượt các nhiệm vụ một cách thích hợp trong mỗi giai đoạn của bài học.

52

4. MỘT SỐ TIẾP CẬN TRONG ĐÀO TẠO NGHỀ

- Đào tạo theo năng lực
- Dạy học định hướng hoạt động




53

4.1. Đào tạo theo năng lực (competence base training)

► Đào tạo theo năng lực nghề nghiệp là phương thức đào tạo theo tiêu chuẩn nghề. Đặc điểm cơ bản nhất có ý nghĩa trung tâm của đào tạo theo NL là thức đào nó định hướng và chú trọng vào kết quả đầu ra của quá trình đào tạo nghề, điều đó có nghĩa là: Từng người học có thể làm được cái gì trong một tình huống lao động nhất định theo tiêu chuẩn nghề.

TIÊU CHUẨN NGHỀ
(Ví dụ: 2 vị trí việc làm, 80 công việc...)

➔

ĐÀO TẠO NGHỀ
(theo vị trí việc làm và công việc)

54

4.1. Đào tạo theo năng lực (competence base training)

► Đào tạo theo năng lực nghề nghiệp là phương thức đào tạo theo tiêu chuẩn nghề. Đặc điểm cơ bản nhất có ý nghĩa trung tâm của đào tạo theo NL là thức đào nó định hướng và chú trọng vào kết quả đầu ra của quá trình đào tạo nghề, điều đó có nghĩa là: Từng người học có thể làm được cái gì trong một tình huống lao động nhất định theo tiêu chuẩn nghề.

Các công việc, nhiệm vụ nghề nghiệp

➔

Các bài dạy (các tình huống dạy học)

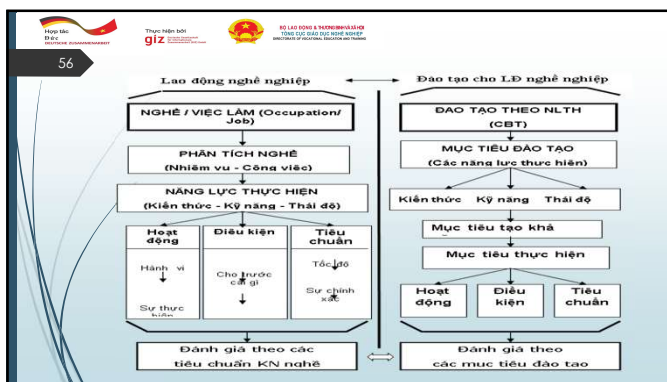
☑ Có ý nghĩa hiện tại

☑ Có ý nghĩa tương lai nghề nghiệp

☑ Có tính đại diện

☑ Có tính hệ thống cấu trúc





57

4.2. Dạy học định hướng hoạt động (dạy thực hiện công việc)

Khái niệm

- „Dạy học định hướng hoạt động là sự dạy học toàn diện và tích cực hóa người học, dưới sự tổ chức của giáo viên, học sinh **học thông qua hoạt động để tạo ra sản phẩm** (bản sản phẩm) **vật chất, ý tưởng hay dịch vụ**.
- Sản phẩm hoạt động của học sinh là sự kết hợp sự hoạt động trí tuệ và hoạt động tay chân.

58 **4.2. Dạy học định hướng hoạt động**

Các bản chất cụ thể như sau:

- Dạy học định hướng hoạt động là tổ chức học sinh hoạt động mang tính trọn vẹn, mà trong đó *học sinh thiết kế, xây dựng qui trình hoạt động...; thực hiện hoạt động theo kế hoạch và kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động.*
- Hướng học sinh vào hoạt động giải quyết các vấn đề kỹ thuật hoặc các nhiệm vụ tình huống nghề nghiệp, nhằm chuẩn bị cho học sinh tham gia vào giải quyết các nhiệm vụ nghề nghiệp.
- Tổ chức quá trình dạy học, mà trong đó học sinh học thông qua hoạt động độc lập ít nhất là theo qui trình cách thức của họ.
- Tổ chức tiến hành giờ học hướng đến mục tiêu hình thành ở học sinh kỹ năng giải quyết nhiệm vụ nghề nghiệp.
- Kết quả bài dạy học định hướng hoạt động tạo ra được sản phẩm (bản sản phẩm) vật chất, ý tưởng hay dịch vụ.

59 **4.2. Dạy học định hướng hoạt động**

Bốn giai đoạn dạy học định hướng hoạt động:

(1) Đưa ra vấn đề nhiệm vụ bài dạy – Trình bày yêu cầu về kết quả học tập (sản phẩm)
Ở giai đoạn này, giáo viên đưa ra nhiệm vụ bài dạy để học sinh ý thức được sản phẩm hoạt động cần thực hiện trong bài dạy và yêu cầu cần đạt được.

(2) Lĩnh hội lí thuyết liên quan, lập kế hoạch lao động
Giáo viên cung cấp các nội dung lý thuyết liên quan.
Học sinh tự thu thập thông tin qua các tài liệu, số tay công nghệ để lập qui trình, công nghệ, hay thiết kế... để thực hiện hoạt động tạo ra sản phẩm.

(3) Tự thực hiện theo kế hoạch, qui trình học sinh đã lập
Trong giai đoạn này học sinh tự thực hiện theo kế hoạch đã lập của mình. Những sản phẩm tùy theo yêu cầu của nhiệm vụ hoạt động có thể là một bản vẽ, một chi tiết cơ khí hay là một hệ thống thủy khí... nên...

(4) Tự đánh giá của học sinh
Bước cuối cùng của dạy học định hướng hoạt động là học sinh tự đánh giá lại kết quả đã hoạt động để từ đó điều chỉnh.

60

**5.
ĐÀO TẠO TẠI DOANH NGHIỆP**

61 **1. Vai trò của đào tạo nghề tại doanh nghiệp**

Đối với doanh nghiệp:

- Có một đội ngũ nhân lực vững chắc, đảm bảo chất và số lượng.
- Cải tiến về năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc.
- Tạo ra được lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp.
- Đạt được yêu cầu trong công tác kế hoạch hóa nguồn nhân lực.
- Giảm bớt tai nạn lao động.
- Sự ổn định năng động của tổ chức tăng lên

62 **1. Vai trò của đào tạo nghề tại doanh nghiệp**

Đối với người lao động:

- Tạo được sự gắn bó giữa người lao động và doanh nghiệp.
- Tạo được tính chuyên nghiệp trong người lao động.
- Tạo sự thích ứng giữa người lao động và công việc hiện tại cũng như tương lai.
- Đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng học tập và phát triển cá nhân của người lao động.
- Tạo cho người lao động cách nhìn, cách tư duy mới trong công việc của họ; là cơ sở để phát huy tính năng động, sáng tạo của người lao động trong công việc.

63 **1. Vai trò của đào tạo nghề tại doanh nghiệp**

Đối với cơ sở liên kết đào tạo và sinh viên của cơ sở liên kết:

- Gắn kết nhà trường với lao động và nghề nghiệp thực tiễn.
- Chương trình, nội dung đào tạo đáp ứng được yêu cầu của các doanh nghiệp.
- Khắc phục được những khó khăn nguồn lực trang bị cơ sở vật chất thiết bị dạy nghề.
- Tạo được cơ hội để giải quyết đầu ra hỗ trợ sinh viên tìm việc làm.

Đối với sinh viên:

- Sinh viên có cơ hội nắm bắt được môi trường thực tế, phát triển được kỹ năng giải quyết những vấn đề phát sinh.
- Thực tập, kiến tập tại doanh nghiệp giúp sinh viên mở rộng mối quan hệ của mình.
- Với kinh nghiệm thực tập họ sẽ tự tin, sẵn sàng nhận công việc được giao sau khi ra trường.
- Đợt thực tập cũng là cuộc khảo sát, thử thách họ trong quá trình lập nghiệp.

64 **2. Quy trình đào tạo nội bộ tại doanh nghiệp**

```

graph TD
    A["(1) Xác định nhu cầu đào tạo"] --> B["(2) Lập kế hoạch đào tạo"]
    B --> C["(3) Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo"]
    C --> D["(4) Đánh giá kết quả đào tạo"]
  
```

65 **6. Các vấn đề xã hội-môi trường trong giáo dục nghề nghiệp**

- Bảo đảm an toàn lao động;
- Bảo vệ môi trường;
- Bình đẳng giới;
- Tiếp cận công bằng cho nhóm yếu thế.
-

66 **6. Các vấn đề xã hội - môi trường, bình đẳng và hòa nhập trong giáo dục nghề nghiệp**

6.1. Xã hội và vấn đề xã hội

- Xã hội là hệ thống trong đó con người sống chung với nhau tạo thành những cộng đồng, tổ chức hay là tập đoàn người cụ thể nào đó, có cùng chung phong tục, luật pháp,...
- Vấn đề xã hội chính là những tình huống, sự việc nảy sinh trong đời sống xã hội, có thể được hiểu theo nghĩa bao gồm những vấn đề ảnh hưởng đến cuộc sống của con người theo hướng tích cực hay **hướng tiêu cực**. Tuy nhiên khi nói đến vấn đề xã hội đa số mọi người thường nghĩ đến những **vấn đề tiêu cực**, có tác động xấu đến sự phát triển, tồn tại của con người.

67 **6. Các vấn đề xã hội - môi trường, bình đẳng và hòa nhập trong giáo dục nghề nghiệp**

6.1. Xã hội và vấn đề xã hội

- Vấn đề xã hội theo nghĩa tiêu cực có nghĩa là những tình huống, sự việc nảy sinh trong xã hội có cách thức, biện pháp giải quyết của con người chưa đạt được kết quả như mong muốn. Có nghĩa, vấn đề đó có biểu hiện mâu thuẫn với hệ giá trị chung đã được xã hội thừa nhận, chia sẻ và gìn giữ.
- Các vấn đề xã hội nào?

68 **6. Các vấn đề xã hội - môi trường, bình đẳng và hòa nhập trong giáo dục nghề nghiệp**

6.1. Xã hội và vấn đề xã hội

- Các vấn đề xã hội:
 - Dân số, lao động và việc làm
 - Giáo dục, y tế, an sinh xã hội
 - Đạo đức và văn hóa
 - An ninh, an toàn xã hội
- Các vấn đề xã hội trong giáo dục nghề nghiệp:
 - Bình đẳng trong đào tạo nghề (các nhóm yếu thế, giới tính, người có công...)
 - An sinh: Đào tạo nghề giải quyết việc làm, giảm đói nghèo,
 - Môi trường: Vệ sinh, an toàn, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả



69 **6. Các vấn đề xã hội - môi trường, bình đẳng và hòa nhập trong giáo dục nghề nghiệp**

6.2. Giáo dục môi trường trong đào tạo nghề (Huấn luyện viên)

- Tổ chức đào tạo và bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản trị, điều hành trong nền kinh tế xanh, ngành sản xuất xanh cho đội ngũ cán bộ quản trị công và doanh nghiệp, trước mắt là đối với đội ngũ lãnh đạo, hoạch định chính sách, xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.
- Phát triển nguồn nhân lực cho tăng trưởng xanh trên cơ sở nghiên cứu, lựa chọn các nội dung về tăng trưởng xanh, công nghệ xanh, khai thác bền vững tài nguyên thiên nhiên... vào các cấp học và bậc học.
- Xây dựng hướng dẫn cho doanh nghiệp về cách thức tiếp cận các lựa chọn tài chính, công nghệ theo hướng xanh hóa công nghiệp, nông nghiệp.

70 **6. Các vấn đề xã hội - môi trường, bình đẳng và hòa nhập trong giáo dục nghề nghiệp**

6.2. Giáo dục môi trường trong đào tạo nghề (Huấn luyện viên)

- Tích hợp giáo dục môi trường trong đào tạo nghề, thông qua các mô đun, môn học.
- Chương trình đào tạo xanh – Mô đun chuyên sâu về lĩnh vực xanh hóa, sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên,
- Phát huy vai trò của học sinh, sinh viên tham gia bảo vệ môi trường, xây dựng trường học xanh, hạn chế rác thải nhựa tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp




71 **6. Các vấn đề xã hội - môi trường, bình đẳng và hòa nhập trong giáo dục nghề nghiệp**




6.3. Bình đẳng và hòa nhập trong giáo dục nghề nghiệp

- Chấp nhận sự khác biệt và đa dạng (giới, dân tộc, xuất thân, ...)
- Hỗ trợ nhóm yếu thế trong xã hội (chính sách, quá trình giáo dục, điều kiện hỗ trợ...)



72

7. THỰC HÀNH KỸ NĂNG

Hợp tác
Đào tạo
Đào tạo
Đào tạo

Thư viện
giz

MỘT SỐ HÌNH ẢNH TRONG QUÁ TRÌNH
THỰC HIỆN DỰ ÁN
HỢP TÁC ĐÀO TẠO TẠI VIỆT NAM

73

► **6.1. Mô tả qui trình đào tạo tại doanh nghiệp**

- Phân tích hoạt động và qui trình tổ chức đào tạo tại doanh nghiệp;
- Nhận diện đặc điểm, ý nghĩa của đào tạo nội bộ tại doanh nghiệp;
- Xác định các rào cản khi triển khai đào tạo tại doanh nghiệp;

► **6.2. Mô tả công việc và năng lực của người đào tạo tại doanh nghiệp.**
